**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TÂN HIỆP**
**TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST
Ngày: 31/ 3/ 2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

*Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà Phan Thị Trúc Phương

- Ông Từ Tứ Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Ni, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang:*** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc *" Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 2 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Cẩm H** - sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: số 93, ấp Kinh 9, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* 1/ **Ông Nguyễn Văn T**; sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

2/ **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Tân A, xã Tân B, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm H trình bày:*** Nguyên trước đây vào ngày 6/02/2020 vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M có đến nhà bà vay số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), với lãi suất là 3%/tháng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là sau khi ông T, bà M đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả

lại tiền gốc và lãi cho bà nhưng ông T, bà M không thực hiện. Khi vay thì ông T, bà M có ký biên nhận nợ ngày 06/02/2020.

Đến ngày 04/2/2021 ông T, bà M tiếp tục vay thêm của bà số 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) với lãi suất là 2%/tháng, mục đích vay cũng là để trả nợ Ngân hàng, thời hạn vay là 10 ngày vì sau khi trả nợ cho Ngân hàng ông T, bà M sẽ rút giấy gốc quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng chuyển nhượng cho người khác lấy tiền thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho bà nhưng ông T, bà M cũng không thực hiện. Việc ông T, bà M trả nợ cho Ngân hàng nào thì bà không biết. Khi vay thì chỉ có ông T ký nhận biên nhận nợ ngày 04/02/2021, còn bà M không có ký tên vào Biên nhận nợ ngày 04/2/2021, nhưng số nợ 65.000.000 đồng này bà M biết và thống nhất cùng vay với ông T.

Bà cam kết trước pháp luật chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M trong hai biên nhận nợ ngày 6/02/2020 và ngày 04/2/2021 là của ông T, bà M viết và ký tên.

Trong quá trình vay thì đến tháng 01/2020 ông T, bà M trả lãi cho bà được 5.000.000 đồng cho số tiền 45.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 6/02/2020.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số nợ gốc của 02 Biên nhận nói trên với số tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, sau khi đã khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng ông T, bà M trả vào tháng 1/2020.

Nay tại tòa án bà yêu cầu:

Bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị M cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số nợ gốc của 02 Biên nhận nói trên với số tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, sau khi đã khấu trừ số tiền lãi 5.000.000 đồng ông Trung, bà Me trả vào tháng 1/2020.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu nào khác.

**Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M:** Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho ông T, bà M tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông T, bà M đều không có mặt và không có lời trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Thị Cẩm H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ vay tổng cộng là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn) và lãi suất theo quy định

pháp luật. Đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị Cẩm H khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại ấp Tân A, xã Tân B, huyện Tân Hiệp, Kiên Giang, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Phía nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm H đồng ý xét xử vắng mặt ông T, bà M. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà M.

[4] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn). Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã cung cấp được cho Tòa án biên nhận nợ ngày 6/02/2020 có chữ ký của ông T, bà M thể hiện ông T, bà M vay số tiền 45.000.000 đồng và Biên nhận nợ ngày 04/2/2021 có chữ ký của ông T thể hiện nội dung vay số tiền 65.000.000 đồng. Bà H cam kết trước pháp luật chữ viết và chứ ký mang tên Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M trong Biên nhận nợ ngày 6/02/2020 và ngày 04/2/2021 là của ông T, bà M viết và ký tên. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp đã ban hành Thông báo số 24/TB-TA ngày 02/6/2021 để báo cho ông T, bà M biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo hoặc kể từ ngày Thông báo được niêm yết thì ông, bà phải có ý kiến về nội dung và chữ ký mang tên Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M trong Biên nhận nợ ngày 6/02/2020 và ngày 04/2/2021. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn ấn định theo Thông báo 24/TB-TA ngày 02/6/2021 nhưng ông T, bà M không có ý kiến gì đối với các biên nhận nợ do phía nguyên đơn cung cấp.

Mặt khác, tuy bà M không có ký tên vào biên nhận nợ ngày 04/2/2021 nhưng đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông T, bà M. Phía bà H trình bày việc vay mượn nợ số tiền 65.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 04/2/2021 bà M biết và thống nhất vay cùng với ông T. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị M, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông T, bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đưa ra chứng cứ và cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không tham gia phiên tòa nhưng không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nên căn cứ theo khoản 2, khoản 4, Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo chứng cứ, lời khai nguyên đơn đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, việc Bà Hằng khởi kiện yêu cầu ông T, bà M cùng chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền

nợ của 02 Biên nhận nói trên với số tiền tổng cộng là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng chẵn) là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Hội đồng sơ thẩm căn cứ theo Biên nhận nợ ngày 6/02/2020 với số tiền 45.000.000 đồng thể hiện về lãi suất 3%/tháng và Biên nhận nợ ngày 04/2/2021 với số tiền 65.000.000 đồng thể hiện lãi suất 2%/tháng. Phía Bà Hằng xác định kể từ ngày vay số tiền 110.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 6/02/2020 và ngày 04/2/2021 thì ông T, bà M chỉ đóng cho bà được 5.000.000 đồng tiền lãi của biện nhận nợ 6/02/2020 nên việc bà H yêu cầu Tòa án tính lãi theo qui định pháp luật kể từ ngày vay đến nay xét xử sơ thẩm là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, Lãi suất các bên thỏa thuận là vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời bà H cũng có yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật nên Hội đồng sơ thẩm áp dụng mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm = 1,666%/tháng) để tính lãi cho phù hợp pháp luật. Lãi suất được tính như sau:

Tiền lãi của số tiền vay 45.000.000 đồng tính từ ngày 6/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2022) là 25 tháng 25 ngày cụ thể:

(45.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 25 tháng) + (45.000.000 đồng x 0,055 %/ngày x 25 ngày) = 18.742.500 đồng + 618.750 đồng = làm tròn 19.361.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng tiền lãi ông T, bà M đã đóng cho cho bà Hằng trong thời gian vay. Còn lại 14.361.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền vay 65.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/3/2022) là 13 tháng 27 ngày cụ thể:

(65.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 13 tháng) + (65.000.000 đồng x 0,055 %/ngày x 27 ngày) = 14.077.700 đồng + 965.250 đồng = làm tròn 15.043.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Tổng cộng tiền lãi ông T, bà M phải trả cho bà Hằng theo Biên nhận nợ ngày 6/02/2020 và ngày 04/2/2021 là 29.404.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm lẽ bốn nghìn đồng). Như vậy, tổng cộng gốc và lãi ông T, bà M phải trả cho bà H theo 02 Biên nhận nợ là 139.404.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm lẽ bốn nghìn đồng). Trong đó gốc là 110.000.000 đồng, Lãi là 29.404.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà H là 139.404.000 đồng x 5% = làm tròn 6.970.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy chục nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số

0008326 ngày 26/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, 4 Điều 91, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Cẩm H.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ thanh toán cho bà bà Phạm Thị Cẩm H số tiền nợ vay là 139.404.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm lẽ bốn nghìn đồng). Trong đó gốc là 110.000.000 đồng, lãi là 29.404.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

**2.** Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho bà Hằng là 139.404.000 đồng x 5% = làm tròn 6.970.000 đồng (Sáu triệu chín trăm bảy chục nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008326 ngày 26/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Cẩm H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
-THA dân sự huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh Nguyệt**